

Số: 41/2020/QĐST-HNGĐ

Tp. Sóc Trăng, ngày 28 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thu V**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 67/1, Kênh TT, khóm S, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Trịnh Minh T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 416/11, Quốc Lộ 1, khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1998 và ông Trịnh Minh T, sinh năm 1993.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1998 và ông Trịnh Minh T, sinh năm 1993 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Thu V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trịnh Thị Thúy N, sinh ngày 24/8/2018. Ông Trịnh Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Trịnh Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trịnh Thị Thúy N không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu V và ông Trịnh Minh T trình bày: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu V và ông Trịnh Minh T trình bày: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị Thu V đồng ý chịu án phí về ly hôn số tiền 150.000 đồng. Sau khi cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo biên lai thu số 0001509 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà V được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

+ Ông Trịnh Minh T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 2, TPST;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
đã ký

Lý Bích Khiêm

